

nhu thuê xe vận chuyển, nộp thuế, thuê người làm thủ tục hải quan do A1 chịu trách nhiệm chi trả, còn Đ sẽ được nhận tiền công 10.000.000 đồng/1 container hàng, sau khi hành hóa nhập khẩu vào Việt Nam A1 chịu trách nhiệm khâu phân phối tiêu thụ. Ngày 22 tháng 05 năm 2020 Công ty TNHH Một thành viên A xuất nhập khẩu H1 (Viết tắt là Công ty A) được thành lập, do Phạm Văn Đ làm Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật; địa chỉ: số 300 đường N1, xã T1, huyện T, thành phố H1.

Sau khi Đ thành lập công ty, Phạm Văn Đ với tư cách pháp nhân đại diện công ty A kí hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty Công ty G1 có địa chỉ tại: số No 912, X Street, D city, G, C, cụ thể như sau: Hợp đồng số 03AB-2020 ngày 15/6/2020; Hợp đồng số 04AB-2020 ngày 16/6/2020; Hợp đồng số 05AB-2020 ngày 17/6/2020 và các tài liệu kèm theo hợp đồng như hóa đơn thương mại, vận đơn, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O). Hàng hóa theo hồ sơ khai báo hải quan gồm: Vành trước xe đạp điện bằng hợp kim nhôm liền may ơ, cang trước xe đạp điện bằng sắt sơn, thân vòi nước bằng sắt mạ, giá vắt khăn tắm gắn tường trong nhà vệ sinh bằng sắt mạ, hộp đựng giấy trong nhà vệ sinh bằng sắt mạ, dây sen tắm bằng sắt mạ, bát sen tắm bằng nhựa loại thường, ống nối, khay nối, dây ruy băng bằng nhựa tổng hợp dùng để trang trí, ma nơ canh bằng nhựa cao 1,8m, bảng tự xóa học sinh bằng nhựa, bản lề cửa bằng sắt mạ, bóng bi-a, bộ vợt đánh cầu lông, khay nhựa đựng đồ dùng để vận chuyển hàng hóa, phụ kiện giữ kính, tấm lưới được thắt nút bằng sợi nylon xe, gong khung bằng dây sắt bọc nhựa dùng để làm lồng lưới đánh bắt thủy sản và các hàng hóa khác được phép nhập khẩu qua biên giới vào thị trường trong nước tiêu thụ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Sau khi kí hợp đồng, Phạm Văn Đ giao cho anh Nguyễn Trung T2 mở 03 tờ khai hải quan tại Chi cục Hải quan H – Cục Hải quan H Ninh vào các ngày 15, 17, 19/6/2020 và mở 03 tờ khai vận chuyển độc lập tại Chi cục Hải quan cửa khẩu M - Cục Hải quan Q gồm: Tờ khai hải quan số 103366375451/A12 đăng ký ngày 15/6/2020 và Tờ khai vận chuyển độc lập số 500245830642 ngày 15/6/2020; Tờ khai hải quan số 103370554341/A12 đăng ký ngày 17/6/2020 và Tờ khai vận chuyển độc lập số 500248312842 ngày 04/7/2020; Tờ khai hải quan số 103374393511/A12 đăng ký ngày 19/06/2020 và Tờ khai vận chuyển độc lập số 500248310413 ngày 04/7/2020 để nhập khẩu lô hàng hóa nêu trên. Ngoài ra còn Phạm Văn Đ thuê hị Bùi Thị Hồng H3 lập tờ khai hàng hóa nhập khẩu và truyền tờ khai lên hệ thống điện tử hải quan, lập và truyền tờ khai vận chuyển độc lập đến Chi cục Hải quan cửa khẩu M.

Để có tài liệu kê khai nhập khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan, Phạm Văn Đ đã chuyển cho anh Nguyễn Trung T2: Hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn thương mại, vận đơn, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, hợp đồng vận

chuyển hàng hóa của Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Đ4, số xe vận chuyển, số container ...anh Nguyễn Trung T2 đã truyền những tài liệu này lên mạng xã hội Zalo vào nhóm của Công ty A. Căn cứ vào các dữ liệu trên nhóm Zalo, chị Bùi Thị Hồng H3 đã kê khai và truyền tờ khai nhập khẩu hàng hóa lên hệ thống điện tử hải quan; lập và truyền tờ khai vận chuyển độc lập đến Chi cục Hải quan cửa khẩu M. Sau đó chị Bùi Thị Hồng H3 đã gửi toàn bộ dữ liệu cho anh Nguyễn Trung T2 qua hộp thư điện tử "Thienannb@gmail.com" để anh T2 lấy tài liệu liên hệ với Chi cục Hải quan H làm thủ tục nộp thuế cho Công ty A cụ thể: Tờ khai hải quan số 103366375451/A12 trị giá hàng hóa 861.270.800 đồng, tiền thuế: 151.365.682 đồng; Tờ khai hải quan số 103370554341/A12 trị giá hàng hóa 1.377.987.000 đồng, tiền thuế: 166.033.550 đồng; Tờ khai hải quan số 103374393511/A12 trị giá 791.503.700 đồng, tiền thuế: 79.627.633 đồng. Tổng giá trị hàng hóa khai báo của 03 tờ khai hải quan là 3.030.761.500 đồng, tổng tiền thuế phải nộp 397.026.865 đồng. (Đ gửi cho anh Nguyễn Trung T2 242.026. 865, đồng thời Đ vay của chị Phạm Thị Bắc 155.000.000 đồng và nhờ chị Bắc chuyển khoản số tiền nêu trên cho anh Nguyễn Trung T2 để nộp thuế, chị Bắc đã chuyển từ tài khoản của mình số 44210000245565 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Nam Q đến tài khoản của anh Nguyễn Trung T2 số 48310000632582 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN N2 số tiền 155.000.000 đồng). Ngày 16/6/2020, anh Nguyễn Trung T2 đã nộp số tiền thuế 151.365.682 đồng cho Tờ khai hải quan ngày 15/6/2020 và 166.033.550 đồng cho Tờ khai hải quan ngày 17/6/2020; ngày 19/6/2020 nộp số tiền 79.627.633 đồng cho Tờ khai hải quan ngày 19/6/2020.

Để có phương tiện vận chuyển hàng hóa của ba tờ khai hải quan trên Phạm Văn Đ ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa với anh Phạm Sỹ Đ6 Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Đ4 địa chỉ: Khu 1, phường Hải Hòa, thành phố M, tỉnh Q (ký Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 02-2020 HĐVC ngày 01/6/2020 và số 06-2020 HĐVC ngày 10/6/2020) theo đó Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Đ4 nhận vận chuyển hàng hóa từ Trung Quốc về Hà Nội - Việt Nam cho Công ty A) với giá 9.900.000đ/container.

Từ ngày 15/6/2020 đến 03/7/2020, Phạm Văn Đ báo cho anh Phạm Sỹ Đ6 điều động lái xe, xe đầu kéo và container rỗng di chuyển từ Việt Nam sang kho hàng tại L1- Đ5- T4 để lấy hàng do công nhân người Trung Quốc bốc, xếp hàng hóa vào 17 container, cụ thể:

- Các xe chở hàng theo Tờ khai hải quan ngày 15/6/2020 gồm: (1). Số cont ZCSU9009143 - xe vận chuyển, BKS: 15C.31384; (2). Số cont EMCU8012371 - xe vận chuyển, BKS: 16N.2080; (3). Số cont CCLU9924440 - xe vận chuyển, BKS: 34C.24219; (4). Số cont ZCSU9007500 - xe vận chuyển,

BKS: 14C.11685; (5). Số cont ZCSU9008810 - xe vận chuyển, BKS: 14C.16390; (6). Số cont EISU8051168 - xe vận chuyển, BKS: 14C.27105.

- Các xe chở hàng theo Tờ khai hải quan ngày 17/6/2020 gồm: (1) Số cont MOLU1122164 - xe vận chuyển, BKS: 14C.19704; (2). Số cont EISU8032452 - xe vận chuyển, BKS: 14C.29379; (3). Số cont CAXU4843861 - xe vận chuyển, BKS: 14C.26522; (4). Số cont KKFU9061263- xe vận chuyển, BKS: 15C.07222; (5). Số cont KKFU9103667 - xe vận chuyển, BKS: 14C.13911; (6). Số cont APHU4515280 – xe vận chuyển, BKS: 14C.00986; (7). Số cont OOLU9013979 – xe vận chuyển, BKS: 14C.27979; (8). Số cont EISU8040099 – xe vận chuyển, BKS: 15C.04861.

- Các xe chở hàng theo Tờ khai hải quan ngày 19/6/2020 gồm: (1). Số cont EISU8035111 - xe vận chuyển, BKS: 14C.21996; (2). Số cont YMLU8095602- xe vận chuyển, BKS: 29H.21746; (3). Số cont KKFU9082435 – xe vận chuyển, BKS: 89C.17980.

Sau khi bốc xếp xong hàng hóa tại Trung Quốc lên các xe container thì các xe ô tô vận chuyển về bãi tập kết T5, B1, thành phố M, tỉnh Q để làm thủ tục nhập khẩu. Tại cửa khẩu M, có anh Nguyễn Thành Hưng tham gia cùng cán bộ Hải quan cửa khẩu M kiểm tra đối chiếu số xe ô tô, số container và số chỉ hải quan theo các tờ khai vận chuyển độc lập của Công ty A.

Sau khi Công ty A mở tờ khai thì hệ thống thông quan tự động tại Chi cục Hải quan H phân luồng vàng đối với Tờ khai hải quan ngày 15/6 và 17/6/2020; Tờ khai ngày 19/6/2020 được phân luồng vàng, phát hiện nghi vấn về hàng hóa chuyển sang luồng đỏ, Chi cục Hải quan H yêu cầu Công ty A đưa hàng về ICD Tân cảng Đ7 để kiểm tra thực tế hàng hóa, đồng thời trao đổi với Cục điều tra chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan phối hợp kiểm tra.

Lô hàng thuộc Tờ khai nhập khẩu số 103366375451/A12 ngày 15/6/2020 được vận chuyển từ Chi cục Hải quan Cửa khẩu M, tỉnh Q ngày 16/06/2020 về đến ICD - Tân Cảng Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh H ngày 17/6/2020. Lô hàng thuộc Tờ khai nhập khẩu số 103370554341/A12 ngày 17/6/2020 và lô hàng thuộc Tờ khai nhập khẩu số 103374393512/A12 ngày 19/6/2020 đều được vận chuyển từ Chi cục Hải quan Cửa khẩu M, tỉnh Q ngày 05/07/2020 về đến ICD – Tân Cảng Đ7, thị xã D1, tỉnh H ngày 06/7/2020 (Bút lục 894).

* Trong khoảng thời gian từ ngày 20/6/2020 đến ngày 10/7/2020, Đội kiểm soát chống buôn lậu Miền Bắc - Cục điều tra chống buôn lậu đã phối hợp với Chi cục Hải quan H, Công ty cổ phần giám định và tư vấn kỹ thuật M1 – cơ quan giám định; Công ty cổ phần tư vấn thẩm định giá VCHP - cơ quan thẩm định giá tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa trong 17 container đối chiếu với 03 tờ khai hàng hóa nhập khẩu số 103366375451/A12; 103370554341/A12; 103374393511/A12 của Công ty A.

Kết quả kiểm tra: Phát hiện hàng hóa trong 17 container *không* đúng với hàng hóa khai báo trong hồ sơ hải quan, như các loại mặt hàng: Hợp kim nhôm dạng thanh định hình các loại; loa, micro, âm ly, đầu CD – đã qua sử dụng; lưới cắt cỏ, dây cót, ắc quy, ô dù trẻ em; quần áo nam nữ, trẻ em (trong đó có các nhãn hiệu Gucci, Louis Vuiton; Lacoste..); kính mắt (trong đó có các nhãn hiệu Montblanc, Gucci, Chanel...), đồng hồ đeo tay (trong đó có các nhãn hiệu Hublot, Longines, Movado, Versace, Bulova, Omega..); ba lô, túi xách, ví cầm tay (Gucci, Louis Vuiton, Chanel...) thiết bị phụ tùng ô tô; giày, dép (Louis Vuiton, Chanel, Jimmy Choo, Dior, Hermes, Salvator, Nike..) mũ; phụ tùng xe máy, xe đạp điện; vòng bi, ổ đỡ các loại; thiết bị vệ sinh; phụ kiện cho điện thoại; đèn led; ắc quy, phụ tùng ô tô và nhiều loại hàng hóa khác.

Căn cứ các tài liệu kiểm tra, xác minh ngày 11/01/2021, Cục điều tra chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “*Buôn lậu*” theo quy định tại Điều 188 Bộ luật Hình sự. Và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cùng tang vật đến Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H điều tra theo quy định của pháp luật. Ngày 12/4/2021, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H đã ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam, Lệnh khám xét chỗ ở đối với Phạm Văn Đ về tội “*Buôn lậu*” theo quy định tại khoản 4 Điều 188 BLHS.

Quá trình điều tra Phạm Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội. Và làm rõ anh Nguyễn Trung T2 và chị Bùi Thị Hồng H3 không biết việc mở tờ khai nhập khẩu hàng hóa không đúng với thực tế hàng hóa trong 17 container.

Cơ quan Điều tra đã tiến hành định giám định chữ kí, định giá tài sản, định giá tài chính (về thuế), cụ thể như sau:

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2021 của Hội đồng định giá, kết luận: Tổng giá trị tài sản tại thời điểm tháng 6/2020 trong 17 container hàng là 32.021.257.000đồng.

- Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 22/11/2021 của Bộ Tài chính kết luận như sau: Số tiền thuế nhập khẩu: 4.530.837.770 đồng. Số tiền thuế chống bán phá giá: 2.764.160.708 đồng. Số tiền thuế GTGT: 3.926.294.548 đồng. Tổng số tiền thuế phải nộp: 11.221.293.026 đồng. Số tiền thuế ân lậu (chưa bao gồm số thuế đã nộp 397.026.865 đồng): 10.824.266.161 đồng.

- Ngày 22/9/2021, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H ra Quyết định số 97/CSKT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H giám định chữ ký của Phạm Văn Đ dưới mục đại diện bên mua trong Hợp đồng số 03 AB-2020 ngày 15/6/2020; 04AB ngày 16/6/2020; 05AB-2020 ngày 17/6/2020 và chữ ký dưới mục đại diện bên B trong Hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 02-2020HĐVC; số 06-2020HĐVC.

- Tại Bản kết luận giám định số 43/PC09-TL ngày 29/9/2021 của Phòng

kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H, kết luận: Chữ ký đứng tên Giám đốc- Phạm Văn Đ dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký của Phạm Văn Đ trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người ký ra; không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Giám đốc- Phạm Văn Đ dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN MUA”, “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 và A5 so với chữ ký của Phạm Văn Đ trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M9 có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Ngày 18/10/2021, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H có Quyết định số 106/CSKT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H giám định chữ viết trong quyển sổ tay thu giữ khi khám xét nơi ở của Đ so với chữ viết của Phạm Văn Đ.

- Tại Bản kết luận giám định số 45/PC09-TL ngày 25/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định so với chữ viết của Phạm Văn Đ là do cùng một người viết ra.

Cơ quan Điều tra mở rộng điều tra trước đó Công ty A còn mở 02 tờ khai hải quan tại Chi cục Hải quan H gồm: Tờ khai hải quan số 103351126653 ngày 10/6/2020 trị giá 33.500 USD (777.353.500 đồng) số tiền thuế phải nộp là 88.669.273; Tờ khai số 10336239151 ngày 12/6/2020 trị giá 74.050 USD (1.715.738.500 đồng) số tiền thuế phải nộp là 194.563.124 đ; tổng số 14 Cont hàng hóa đã được nhập khẩu và thông quan nên không đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội trước đó của bị cáo.

* Vật chứng thu giữ của Phạm Văn Đ đã chuyển đến cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh H gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu ghi đã qua sử dụng và 17 Contener hàng hóa.

- 01 dấu tròn (đỏ) của Công ty A, MSDN: 0109194310; 01 dấu chức danh giám đốc Công ty A mang tên Phạm Văn Đ do chị Nguyễn Thị Nhuận vợ bị cáo giao nộp.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 22/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “*Buôn lậu*”. Xử phạt: Phạm Văn Đ 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13 tháng 4 năm 2021.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Văn Đ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2022, bị cáo Phạm Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết và xin giảm hình phạt vì lý do thực chất bị cáo là người làm thuê cho A1, toàn bộ chi phí thành lập công ty do A1 bỏ ra, khi nhập khẩu hàng hóa người của A1 đưa cho bị cáo điện thoại liên lạc riêng để thuận tiện trong việc điều hành, Hợp đồng giữa Công ty A và Công ty GUANGXI là hợp đồng không nhằm để đảm bảo quy định về nhập khẩu hàng hóa qua biên giới, bị cáo được trả công theo số lượng hàng hóa nhập khẩu là 10.000.000 đồng/container. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 47 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo 13 năm tù về tội Buôn lậu, là đúng người đúng tội. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo xuất trình biên lai đã thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm, đây là tình tiết mới đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một năm tù.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, đã thi hành xong hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng ở các cấp đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, đúng quy định của pháp luật, do đó cần được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của người làm chứng; biên bản thu giữ vật chứng; kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 15, 17 và 19/6/2020 Phạm Văn Đ vì mục đích vụ lợi, trốn thuế, bị cáo ký hợp đồng mua bán hàng hóa với thương nhân nước ngoài, đã làm thủ tục nhập khẩu hàng từ nước ngoài vào thị trường trong nước tiêu thụ, trị giá hàng hoá nhập khẩu là 32.021.257.000 đồng, tổng tiền thuế phải

nộp là 11.221.293.026 đồng nhưng Đ chỉ kê khai hải quan với trị giá hàng hóa nhập khẩu là 3.030.761.500 đồng, tổng tiền thuế 397.026.865 đồng, ản lậu tiền thuế của nhà nước là 10.824.266.161 đồng.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử thấy như sau: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xâm phạm đến hoạt động quản lý kinh tế của nhà nước về kinh tế, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, cạnh tranh hàng hóa của các thành phần kinh tế trong nước và làm thất thu ngân sách nhà nước.

Trước khi quyết định hình phạt tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng do số lượng giá trị hàng hóa nhập lậu có giá trị rất lớn, vì vậy Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 22/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 13 (Mười ba) năm tù về tội Buôn lậu là đúng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo xuất trình biên lai thu tiền thể hiện đã thi hành xong khoản hình phạt bổ sung và đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm. Việc bị cáo đã nộp đủ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) khoản hình phạt bổ sung là thể hiện thái độ chấp hành một phần bản án sơ thẩm, đây cũng được coi là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó có cơ sở để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ; sửa một phần quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 188; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn Đ 12 (Mười hai) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13 tháng 4 năm 2021.

2. Xác nhận bị cáo Phạm Văn Đ đã nộp 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện tại biên lai thu tiền số AA/2021/0001610 ngày 11/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H. Bị cáo Phạm Văn Đ đã thi hành xong về hình phạt phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- CA tỉnh H;
- Trại tạm giam CA tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh tỉnh H;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu: VT, HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng